

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu vận hành của chính quyền địa phương 02 cấp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 24/6/2025;*

*Căn cứ các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; số 186-KL/TW ngày 29/8/2025 về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp; số 195-KL/TW ngày 26/9/2025 về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức;*

*Căn cứ Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 của Bộ Nội vụ về phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã;*

*Căn cứ Kết luận số 75-KL/TU ngày 29/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu vận hành của chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 703/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2026;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1593/TTr-SNV ngày 25/12/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu vận hành của chính quyền địa phương 02 cấp.

*(Có Phương án kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BTV Đảng ủy các xã, phường;
- Lưu: VT, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoài Anh**

**PHƯƠNG ÁN**

**Bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu  
vận hành của chính quyền địa phương 02 cấp**

*(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-UBND ngày     tháng     năm  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**I. ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

**1. Điều động cán bộ, công chức từ tỉnh về xã, phường và ngược lại**

1.1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức thực hiện điều động, giới thiệu cán bộ, công chức lãnh đạo cấp phòng của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để bổ sung cho các vị trí lãnh đạo còn thiếu ở cấp xã; chuyển công tác, điều động cán bộ cấp xã về các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để tăng cường cán bộ, công chức có năng lực, kinh nghiệm công tác ở cơ sở cho cấp tỉnh, giải quyết hợp lý các trường hợp chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân.

1.2. Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

**2. Sắp xếp, điều động cán bộ, công chức trong nội bộ các xã, phường**

Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã rà soát, thực hiện điều động công chức trong nội bộ các xã, phường; cụ thể như sau:

2.1. Điều động công chức khối chính quyền đến công tác tại khối đảng, ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:

a) Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã thực hiện điều động công chức chuyên môn đã làm công tác tham mưu ở cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội của cấp huyện, cấp xã cũ đang công tác tại khối chính quyền đến công tác tại khối đảng, để phát huy kinh nghiệm, năng lực, sở trường của đội ngũ công chức.

b) Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

2.2. Điều động công chức khối đảng, ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đến công tác tại khối chính quyền:

a) Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường quyết định điều động 180 công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo) đã làm công tác tham mưu quản lý nhà nước của cấp huyện, cấp xã cũ đang công tác tại khối đảng, ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đến công tác tại khối chính quyền 95 xã, phường, nhằm tăng cường nhân lực cho các lĩnh vực quản lý nhà

nước, bảo đảm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp (theo Phụ lục số 01 gửi kèm theo).

Trường hợp Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường không thực hiện điều động thì phải chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 10/01/2026.

2.3. Điều động công chức trong nội bộ khối đảng, ủy ban mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền xã, phường:

a) Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã rà soát, quyết định điều động công chức trong nội bộ khối đảng, tổ chức chính trị - xã hội, để bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ, phát huy kinh nghiệm, năng lực, sở trường công chức.

b) Giao Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định điều động 105 công chức theo thẩm quyền đã làm việc ở lĩnh vực tài chính - kế hoạch, địa chính, xây dựng, nông nghiệp tại Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc 76 xã, phường để bố trí cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (theo Phụ lục số 02 gửi kèm theo).

c) Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 10/01/2026.

### **3. Điều động công chức giữa các xã, phường**

3.1. Điều động theo thẩm quyền của Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã:

a) Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã quyết định chuyển công tác, tiếp nhận công chức khối đảng, ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giữa các xã, phường (sau khi xin ý kiến của Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

b) Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

3.2. Điều động theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã:

a) Căn cứ số lượng biên chế được giao, yêu cầu nhiệm vụ, trên cơ sở thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy, giao Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định theo thẩm quyền việc chuyển công tác, tiếp nhận công chức giữa các đơn vị để bổ sung cho các lĩnh vực, vị trí việc làm còn thiếu của UBND cấp xã.

b) Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

3.3. Điều động công chức phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường trong nội bộ các huyện, thị xã, thành phố (cũ):

a) Giao Chủ tịch UBND các xã, phường phối hợp, quyết định chuyển công tác đối với công chức phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường trong nội bộ các huyện, thị xã, thành phố (cũ) nhằm bố trí hợp lý số lượng công chức giữa các xã, phường để khắc phục tồn tại, hạn chế trong phương án bố trí công chức trước đây (theo Phụ lục số 03 gửi kèm theo); cụ thể:

- Chuyển công tác đối với 39 công chức đã từng làm việc tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường hoặc làm công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường thuộc 31 xã, phường đến công tác tại 32 xã, phường.

- Chuyển công tác đối với 34 công chức đã từng làm việc tại Phòng Tài chính - Kế hoạch của cấp huyện cũ hoặc làm công chức Tài chính - Kế toán của cấp xã cũ thuộc 32 xã, phường đến công tác tại 31 xã, phường.

b) Thời gian thực hiện: Hoàn thành và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/01/2026.

#### **4. Biệt phái công chức, viên chức**

##### **4.1. Biệt phái viên chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã:**

a) Để tăng cường người làm việc cho các vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ: giáo dục, kế toán, công nghệ thông tin, y tế của khối đảng và khối chính quyền; đề nghị UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã cho chủ trương để quyết định biệt phái viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã làm nhiệm vụ công chức tại các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy; của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã như sau<sup>1</sup>:

- Biệt phái viên chức quản lý, nhà giáo, kế toán, giáo viên công nghệ thông tin, toán tin tại các trường học thuộc UBND cấp xã để bổ sung vị trí việc làm: kế toán, công nghệ thông tin của khối đảng, tổ chức chính trị - xã hội, khối chính quyền; vị trí việc làm giáo dục, đào tạo của khối chính quyền.

- Biệt phái viên chức y tế thuộc các Trạm y tế để bổ sung vị trí việc làm y tế (sau khi chuyển giao các Trạm Y tế về UBND các xã, phường quản lý).

b) Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

##### **4.2. Biệt phái công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh:**

a) Đối với các xã, phường có khối lượng công việc lớn, có công trình trọng điểm, khối lượng giải phóng mặt bằng lớn, sau khi đã thực hiện tất cả các giải pháp về điều động, biệt phái trong nội bộ cấp xã và tiếp nhận công chức, viên chức nhưng vẫn còn thiếu nhân lực chuyên môn ở các lĩnh vực tài chính, đất đai, xây dựng thì báo cáo nhu cầu công chức, viên chức cần bổ sung (qua Sở Nội vụ) để tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định biệt phái có thời hạn công chức, viên chức tại các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh về xã, phường; giao các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh rà soát, đề xuất công chức, viên chức thực

---

<sup>1</sup> Điểm b, Khoản 4 Điều 27 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ), quy định: Việc biệt phái viên chức làm công việc ở vị trí việc làm của công chức phải được sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức.

hiện việc biệt phái cho cấp xã (khi có chỉ đạo). Thời gian biệt phái không quá 06 tháng.

b) Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

## **II. HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA CÔNG CHỨC**

1. Giao UBND cấp xã tổ chức rà soát, đối với các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ mà chưa có công chức đảm nhiệm hoặc đã có nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu công việc thì được ký hợp đồng dịch vụ với các cá nhân đáp ứng được ngay yêu cầu công việc theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn UBND các xã, phường thực hiện, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật; hoàn thành xong trước ngày 15/01/2026.

## **III. TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC**

### **1. Tiếp nhận vào làm công chức**

1.1. Giao UBND các xã, phường căn cứ số lượng biên chế được giao tại Nghị quyết số 703/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh và định hướng danh mục vị trí việc làm của HĐND và UBND cấp xã, thực hiện rà soát hiện trạng việc bố trí, sử dụng công chức; xác định tổng số lượng công chức còn thiếu và các vị trí việc làm cần tiếp nhận. Số lượng công chức dự kiến tiếp nhận bảo đảm không vượt quá tổng số lượng biên chế được giao và phù hợp với định hướng tinh giản biên chế giai đoạn 2026 - 2031 của Trung ương và của tỉnh.

Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận vào làm công chức thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Riêng đối với vị trí tiếp nhận công chức Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Trợ lý Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật chuyên ngành và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

1.2. Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

**2. Tiếp nhận vào làm công chức UBND các xã, phường thuộc khu vực thị xã Nghi Sơn cũ đối với viên chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Nghi Sơn có chuyên môn, kinh nghiệm về giải phóng mặt bằng**

2.1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Nghi Sơn chủ trì, phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy, UBND các xã, phường thuộc khu vực thị xã Nghi Sơn cũ xây dựng phương án nhân sự đối với các viên chức của Ban Quản lý có chuyên môn, kinh nghiệm về công tác giải phóng mặt bằng để tiếp

nhận về các xã, phường; cân đối về số lượng, chất lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khoảng cách và cự ly di chuyển (nhất là với viên chức nữ).

Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày 10/01/2026.

2.2. Giao UBND các xã, phường căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận vào làm công chức theo Khoản 1 và Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ thực hiện quy trình, trình tự thủ tục, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định tiếp nhận vào làm công chức.

Thời gian thực hiện: Tháng 01/2026.

3. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn UBND các xã, phường thực hiện, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật; hoàn thành xong trước ngày 15/01/2026.

Tổ chức thẩm định (trên cơ sở đề nghị của UBND cấp xã), trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tiếp nhận vào làm công chức theo thẩm quyền.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

#### **IV. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

1. Giao các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường rà soát tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực từ cấp tỉnh đến cấp xã; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được giao; thành lập các Tổ công tác, nhóm Zalo để trao đổi, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các xã, phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài tỉnh, tham mưu UBND tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề, chuyên sâu về một số lĩnh vực đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp xã đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền 02 cấp; thuê cơ quan đánh giá độc lập chất lượng bồi dưỡng (trong và sau quá trình bồi dưỡng) một số chương trình, nhiệm vụ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

#### **V. SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP XÃ**

1. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường căn cứ định hướng tại Nghị quyết số 332/NQ-CP của Chính phủ và tình hình thực tế của mỗi địa phương để quyết định cụ thể số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công, bảo đảm không vượt quá

tổng số lượng cấp phó và tổng số biên chế được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Thời gian thực hiện: Thường xuyên và liên tục.

## **VI. GIẢI PHÁP VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BIÊN CHẾ**

### **1. Vị trí việc làm**

1.1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ phê duyệt vị trí việc làm cán bộ, công chức thuộc HĐND và UBND cấp xã; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vị trí việc làm viên chức của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công thuộc UBND cấp xã. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt, Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và tổng hợp kết quả phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực từng vị trí việc làm viên chức trực thuộc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công của UBND các xã, phường, báo cáo UBND tỉnh.

1.2. Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày 10/01/2026.

**2. Biên chế khối chính quyền và biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã:** Đã hoàn thành (Nghị quyết số 703/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh).

### **3. Biên chế viên chức Trung tâm Cung ứng dịch vụ công**

3.1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường tham mưu, thực hiện biên chế viên chức Trung tâm Cung ứng dịch vụ công theo quy định, định hướng của Trung ương và của tỉnh.

3.2. Thời gian thực hiện: Tháng 01/2026./.



**Phụ lục số 01: Danh sách các xã, phường và số lượng công chức chuyên môn điều động  
từ cơ quan đảng sang cơ quan chính quyền**  
(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-UBND ngày     tháng     năm     của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

| TT | Xã, phường         | Tổng       | Lĩnh vực<br>tài chính -<br>kế toán | Chuyên<br>viên Phòng<br>Nội vụ | Lĩnh vực tư<br>pháp - hộ<br>tịch | Lĩnh vực<br>văn hóa -<br>xã hội | Chuyên<br>viên Phòng<br>Kinh tế -<br>Hạ tầng | Chuyên<br>viên thanh<br>tra huyện | Địa chính -<br>xây dựng |
|----|--------------------|------------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
|    | <b>Tổng</b>        | <b>180</b> | <b>31</b>                          | <b>4</b>                       | <b>39</b>                        | <b>75</b>                       | <b>0</b>                                     | <b>5</b>                          | <b>26</b>               |
| 1  | Phường Đông Quang  | 1          | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 2  | Phường Hàm Rồng    | 1          | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 3  | Phường Nguyệt Viên | 3          | 0                                  | 0                              | 0                                | 3                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 4  | Phường Sầm Sơn     | 1          | 0                                  | 1                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 5  | Phường Nam Sầm Sơn | 1          | 0                                  | 1                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 6  | Phường Bim Sơn     | 1          | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 7  | Phường Quang Trung | 1          | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 8  | Phường Ngọc Sơn    | 1          | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 9  | Phường Tân Dân     | 1          | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 10 | Phường Hải Lĩnh    | 3          | 0                                  | 0                              | 1                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 11 | Phường Hải Bình    | 2          | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 12 | Phường Trúc Lâm    | 1          | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 13 | Phường Nghi Sơn    | 3          | 1                                  | 0                              | 2                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 14 | Xã Các Sơn         | 3          | 1                                  | 0                              | 0                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 15 | Xã Trường Lâm      | 2          | 0                                  | 1                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 16 | Xã Hà Trung        | 1          | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 17 | Xã Tống Sơn        | 6          | 0                                  | 0                              | 2                                | 4                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 18 | Xã Hà Long         | 1          | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 19 | Xã Hoạt Giang      | 2          | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |

| TT | Xã, phường     | Tổng | Lĩnh vực<br>tài chính -<br>kế toán | Chuyên<br>viên Phòng<br>Nội vụ | Lĩnh vực tư<br>pháp - hộ<br>tịch | Lĩnh vực<br>văn hóa -<br>xã hội | Chuyên<br>viên Phòng<br>Kinh tế -<br>Hạ tầng | Chuyên<br>viên thanh<br>tra huyện | Địa chính -<br>xây dựng |
|----|----------------|------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| 20 | Xã Lĩnh Toại   | 3    | 0                                  | 0                              | 0                                | 3                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 21 | Xã Triệu Lộc   | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 22 | Xã Đông Thành  | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 23 | Xã Hoa Lộc     | 1    | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 24 | Xã Nga Sơn     | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 25 | Xã Nga Thắng   | 2    | 0                                  | 0                              | 2                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 26 | Xã Nga An      | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 27 | Xã Ba Đình     | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 28 | Xã Hoàng Thanh | 1    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 29 | Xã Hoàng Phú   | 2    | 1                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 30 | Xã Lưu Vệ      | 1    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 31 | Xã Quảng Ninh  | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 32 | Xã Quảng Bình  | 3    | 1                                  | 0                              | 0                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 33 | Xã Tiên Trang  | 2    | 0                                  | 0                              | 2                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 34 | Xã Quảng Chính | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 35 | Xã Nông Cống   | 2    | 1                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 36 | Xã Thắng Lợi   | 2    | 1                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 37 | Xã Trung Chính | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 38 | Xã Tượng Lĩnh  | 1    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 39 | Xã Thiệu Hóa   | 1    | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 40 | Xã Thiệu Quang | 2    | 0                                  | 0                              | 0                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 41 | Xã Thiệu Toán  | 5    | 1                                  | 0                              | 0                                | 3                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 42 | Xã Thiệu Trung | 3    | 1                                  | 0                              | 0                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |

| TT | Xã, phường     | Tổng | Lĩnh vực<br>tài chính -<br>kế toán | Chuyên<br>viên Phòng<br>Nội vụ | Lĩnh vực tư<br>pháp - hộ<br>tịch | Lĩnh vực<br>văn hóa -<br>xã hội | Chuyên<br>viên Phòng<br>Kinh tế -<br>Hạ tầng | Chuyên<br>viên thanh<br>tra huyện | Địa chính -<br>xây dựng |
|----|----------------|------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| 43 | Xã Yên Trường  | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 44 | Xã Yên Phú     | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 45 | Xã Yên Ninh    | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 46 | Xã Đình Tân    | 1    | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 47 | Xã Thọ Xuân    | 2    | 1                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 48 | Xã Thọ Long    | 2    | 0                                  | 0                              | 0                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 49 | Xã Sao Vàng    | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 50 | Xã Lam Sơn     | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 51 | Xã Thọ Lập     | 4    | 3                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 52 | Xã Xuân Tín    | 5    | 1                                  | 0                              | 1                                | 2                               | 0                                            | 1                                 | 0                       |
| 53 | Xã Xuân Lập    | 2    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 54 | Xã Vĩnh Lộc    | 2    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 55 | Xã Biện Thượng | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 56 | Xã Thọ Bình    | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 57 | Xã Hợp Tiến    | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 58 | Xã An Nông     | 1    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 59 | Xã Đồng Tiến   | 2    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 60 | Xã Mường Chanh | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 61 | Xã Tam Chung   | 1    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 62 | Xã Mường Lát   | 1    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 63 | Xã Hồi Xuân    | 3    | 1                                  | 0                              | 0                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 64 | Xã Nam Xuân    | 4    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 2                       |
| 65 | Xã Thiên Phú   | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 66 | Xã Hiền Kiệt   | 3    | 0                                  | 0                              | 0                                | 3                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 67 | Xã Phú Xuân    | 5    | 0                                  | 0                              | 2                                | 1                               | 0                                            | 1                                 | 1                       |
| 68 | Xã Phú Lệ      | 3    | 1                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |

| TT | Xã, phường     | Tổng | Lĩnh vực<br>tài chính -<br>kế toán | Chuyên<br>viên Phòng<br>Nội vụ | Lĩnh vực tư<br>pháp - hộ<br>tịch | Lĩnh vực<br>văn hóa -<br>xã hội | Chuyên<br>viên Phòng<br>Kinh tế -<br>Hạ tầng | Chuyên<br>viên thanh<br>tra huyện | Địa chính -<br>xây dựng |
|----|----------------|------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| 69 | Xã Trung Thành | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 70 | Xã Mường Mìn   | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 71 | Xã Tam Lư      | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 72 | Xã Quan Sơn    | 6    | 2                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 2                       |
| 73 | Xã Trung Hạ    | 3    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 74 | Xã Giao An     | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 1                                 | 0                       |
| 75 | Xã Thiết Ống   | 2    | 0                                  | 0                              | 0                                | 2                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 76 | Xã Cổ Lũng     | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 77 | Xã Điện Lư     | 3    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 78 | Xã Minh Sơn    | 1    | 1                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 79 | Xã Nguyệt Ấn   | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 80 | Xã Cẩm Thạch   | 2    | 0                                  | 1                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 81 | Xã Vân Du      | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 82 | Xã Thạch Bình  | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 83 | Xã Thành Vinh  | 2    | 1                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 84 | Xã Thạch Quảng | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 85 | Xã Thượng Ninh | 3    | 1                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 86 | Xã Hóa Quý     | 2    | 1                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 87 | Xã Xuân Du     | 2    | 0                                  | 0                              | 1                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 88 | Xã Mậu Lâm     | 2    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 89 | Xã Như Thanh   | 3    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 1                                 | 1                       |
| 90 | Xã Yên Thọ     | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 91 | Xã Thanh Kỳ    | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 92 | Xã Bát Mọt     | 1    | 0                                  | 0                              | 0                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 1                       |
| 93 | Xã Yên Nhân    | 2    | 0                                  | 0                              | 0                                | 1                               | 0                                            | 1                                 | 0                       |
| 94 | Xã Thường Xuân | 1    | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |
| 95 | Xã Thắng Lộc   | 1    | 0                                  | 0                              | 1                                | 0                               | 0                                            | 0                                 | 0                       |

**Phụ lục số 02: Danh sách các xã, phường điều động, bố trí công chức cho Phòng Kinh tế**  
*(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-UBND ngày     tháng     năm     của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

| TT | Xã, phường         | Tổng       | Văn phòng HĐND và UBND |                      | Phòng Văn hóa - Xã hội |                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công |                      |
|----|--------------------|------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|
|    |                    |            | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán               | Địa chính - xây dựng |
|    | <b>Tổng</b>        | <b>105</b> | <b>0</b>               | <b>20</b>            | <b>34</b>              | <b>7</b>             | <b>43</b>                         | <b>1</b>             |
| 1  | Phường Đông Quang  | 1          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 2  | Phường Đông Sơn    | 2          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 3  | Phường Đông Tiến   | 3          | 0                      | 1                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 4  | Phường Hàm Rồng    | 1          | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 5  | Phường Nguyệt Viên | 1          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 6  | Phường Sầm Sơn     | 3          | 0                      | 0                    | 2                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 7  | Phường Nam Sầm Sơn | 1          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 8  | Phường Hải Lĩnh    | 2          | 0                      | 1                    | 0                      | 1                    | 0                                 | 0                    |
| 9  | Phường Đào Duy Từ  | 2          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 10 | Phường Hải Bình    | 2          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 11 | Phường Trúc Lâm    | 1          | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 12 | Phường Nghi Sơn    | 1          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 13 | Xã Hà Trung        | 3          | 0                      | 1                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 14 | Xã Tống Sơn        | 1          | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 15 | Xã Hoạt Giang      | 3          | 0                      | 0                    | 2                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 16 | Xã Đông Thành      | 1          | 0                      | 0                    | 0                      | 1                    | 0                                 | 0                    |
| 17 | Xã Nga Thằng       | 1          | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |

| TT | Xã, phường     | Tổng | Văn phòng HĐND và UBND |                      | Phòng Văn hóa - Xã hội |                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công |                      |
|----|----------------|------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|
|    |                |      | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán               | Địa chính - xây dựng |
| 18 | Xã Tân Tiến    | 2    | 0                      | 2                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 19 | Xã Hoằng Hóa   | 2    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 2                                 | 0                    |
| 20 | Xã Hoằng Tiến  | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 21 | Xã Hoằng Thanh | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 22 | Xã Hoằng Lộc   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 23 | Xã Hoằng Châu  | 2    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 24 | Xã Hoằng Sơn   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 25 | Xã Hoằng Phú   | 2    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 26 | Xã Hoằng Giang | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 27 | Xã Quảng Yên   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 28 | Xã Quảng Ninh  | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 29 | Xã Quảng Bình  | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 30 | Xã Quảng Chính | 2    | 0                      | 0                    | 2                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 31 | Xã Thăng Lợi   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 32 | Xã Trung Chính | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 33 | Xã Thăng Bình  | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 34 | Xã Tượng Lĩnh  | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 35 | Xã Thiệu Toán  | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 36 | Xã Thiệu Trung | 2    | 0                      | 1                    | 0                      | 1                    | 0                                 | 0                    |
| 37 | Xã Yên Định    | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 38 | Xã Yên Trường  | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 1                    | 0                                 | 0                    |

| TT | Xã, phường    | Tổng | Văn phòng HĐND và UBND |                      | Phòng Văn hóa - Xã hội |                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công |                      |
|----|---------------|------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|
|    |               |      | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán               | Địa chính - xây dựng |
| 39 | Xã Định Tân   | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 40 | Xã Định Hòa   | 2    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 41 | Xã Sao Vàng   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 42 | Xã Lam Sơn    | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 43 | Xã Vĩnh Lộc   | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 44 | Xã Tây Đô     | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 1                    | 0                                 | 0                    |
| 45 | Xã Triệu Sơn  | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 46 | Xã Thọ Ngọc   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 47 | Xã Thọ Phú    | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 48 | Xã An Nông    | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 49 | Xã Tân Ninh   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 50 | Xã Đồng Tiến  | 2    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 51 | Xã Phú Xuân   | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 52 | Xã Sơn Điện   | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 53 | Xã Tam Lư     | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 1                    | 0                                 | 0                    |
| 54 | Xã Trung Hạ   | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 55 | Xã Yên Khương | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 56 | Xã Yên Thắng  | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 57 | Xã Bá Thước   | 2    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 58 | Xã Cổ Lũng    | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 59 | Xã Pù Luông   | 2    | 0                      | 0                    | 0                      | 1                    | 1                                 | 0                    |

| TT | Xã, phường     | Tổng | Văn phòng HĐND và UBND |                      | Phòng Văn hóa - Xã hội |                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công |                      |
|----|----------------|------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|
|    |                |      | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán    | Địa chính - xây dựng | Tài chính - kế toán               | Địa chính - xây dựng |
| 60 | Xã Điền Quang  | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 61 | Xã Quý Lương   | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 62 | Xã Ngọc Lặc    | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 63 | Xã Thạch Lập   | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 64 | Xã Ngọc Liên   | 2    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 65 | Xã Minh Sơn    | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 1                    |
| 66 | Xã Nguyệt Ấn   | 2    | 0                      | 2                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 67 | Xã Cẩm Thủy    | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 68 | Xã Cẩm Tân     | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 69 | Xã Vân Du      | 2    | 0                      | 0                    | 2                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 70 | Xã Thạch Bình  | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 71 | Xã Thạch Quảng | 3    | 0                      | 2                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 72 | Xã Như Xuân    | 2    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 73 | Xã Yên Thọ     | 1    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 0                                 | 0                    |
| 74 | Xã Lương Sơn   | 1    | 0                      | 0                    | 0                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 75 | Xã Thường Xuân | 2    | 0                      | 0                    | 1                      | 0                    | 1                                 | 0                    |
| 76 | Xã Vạn Xuân    | 1    | 0                      | 1                    | 0                      | 0                    | 0                                 | 0                    |



**Phụ lục số 03: Danh sách, số lượng công chức điều động giữa các xã, phường trong nội bộ huyện, thị xã, thành phố cũ**  
*(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm        của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

| TT | Xã, phường               | Đã làm Phòng NN và MT, công chức Địa chính - nông nghiệp và môi trường |           |           | Đã làm Phòng TC - KH, công chức Tài chính - kế toán |           |           | Đã làm Phòng Kinh tế - Hạ tầng |           |           | Ghi chú |
|----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------|
|    |                          | Số hiện có                                                             | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                                          | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                     | Điều động | Tiếp nhận |         |
|    | <b>Tổng</b>              | <b>787</b>                                                             | <b>39</b> | <b>39</b> | <b>513</b>                                          | <b>34</b> | <b>34</b> | <b>40</b>                      | <b>0</b>  | <b>0</b>  |         |
|    | <b>TP Thanh Hóa</b>      |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 1  | Phường Hạc Thành         | 8                                                                      |           | 2         | 7                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
| 2  | Phường Quảng Phú         | 15                                                                     | 1         |           | 4                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
| 3  | Phường Đông Quang        | 12                                                                     |           |           | 5                                                   |           | 1         | 2                              |           |           |         |
| 4  | Phường Đông Sơn          | 14                                                                     | 1         |           | 5                                                   | 1         |           | 3                              |           |           |         |
| 5  | Phường Đông Tiến         | 9                                                                      |           |           | 8                                                   | 2         |           | 1                              |           |           |         |
| 6  | Phường Hàm Rồng          | 8                                                                      |           |           | 5                                                   |           |           | 2                              |           |           |         |
| 7  | Phường Nguyệt Viên       | 7                                                                      |           |           | 6                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
|    | <b>Thành phố Sầm Sơn</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 8  | Phường Sầm Sơn           | 6                                                                      |           |           | 9                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 9  | Phường Nam Sầm Sơn       | 5                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 2                              |           |           |         |
|    | <b>Thị xã Bỉm Sơn</b>    |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 10 | Phường Bỉm Sơn           | 5                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 11 | Phường Quang Trung       | 6                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
|    | <b>Thị xã Nghi Sơn</b>   |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 12 | Phường Ngọc Sơn          | 6                                                                      |           |           | 5                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |

| TT | Xã, phường            | Đã làm Phòng NN và MT, công chức Địa chính - nông nghiệp và môi trường |           |           | Đã làm Phòng TC - KH, công chức Tài chính - kế toán |           |           | Đã làm Phòng Kinh tế - Hạ tầng |           |           | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------|
|    |                       | Số hiện có                                                             | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                                          | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                     | Điều động | Tiếp nhận |         |
| 13 | Phường Tân Dân        | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 14 | Phường Hải Lĩnh       | 4                                                                      |           |           | 5                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 15 | Phường Tĩnh Gia       | 8                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 16 | Phường Đào Duy Từ     | 3                                                                      |           | 1         | 5                                                   | 1         |           | 1                              |           |           |         |
| 17 | Phường Hải Bình       | 8                                                                      | 1         |           | 5                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 18 | Phường Trúc Lâm       | 5                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 19 | Phường Nghi Sơn       | 5                                                                      |           |           | 2                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
| 20 | Xã Các Sơn            | 5                                                                      |           |           | 2                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 21 | Xã Trường Lâm         | 5                                                                      |           |           | 2                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Hà Trung</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 22 | Xã Hà Trung           | 7                                                                      |           |           | 5                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 23 | Xã Tống Sơn           | 8                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 24 | Xã Hà Long            | 5                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 25 | Xã Hoạt Giang         | 6                                                                      |           |           | 5                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 26 | Xã Lĩnh Toại          | 6                                                                      |           |           | 3                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Hậu Lộc</b>  |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 27 | Xã Triệu Lộc          | 4                                                                      |           | 1         | 3                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 28 | Xã Đông Thành         | 6                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 29 | Xã Hậu Lộc            | 7                                                                      |           |           | 2                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
| 30 | Xã Hoa Lộc            | 8                                                                      | 1         |           | 4                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |

| TT | Xã, phường               | Đã làm Phòng NN và MT, công chức Địa chính - nông nghiệp và môi trường |           |           | Đã làm Phòng TC - KH, công chức Tài chính - kế toán |           |           | Đã làm Phòng Kinh tế - Hạ tầng |           |           | Ghi chú |
|----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------|
|    |                          | Số hiện có                                                             | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                                          | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                     | Điều động | Tiếp nhận |         |
| 31 | Xã Vạn Lộc               | 9                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Nga Sơn</b>     |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 32 | Xã Nga Sơn               | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
| 33 | Xã Nga Thắng             | 5                                                                      |           |           | 4                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 34 | Xã Hồ Vương              | 6                                                                      | 2         |           | 4                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 35 | Xã Tân Tiến              | 5                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 36 | Xã Nga An                | 3                                                                      |           | 1         | 2                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 37 | Xã Ba Đình               | 2                                                                      |           | 1         | 2                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Hoằng Hóa</b>   |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 38 | Xã Hoằng Hóa             | 6                                                                      |           | 1         | 6                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
| 39 | Xã Hoằng Tiến            | 6                                                                      |           |           | 6                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 40 | Xã Hoằng Thanh           | 6                                                                      |           |           | 5                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 41 | Xã Hoằng Lộc             | 9                                                                      | 3         |           | 7                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 42 | Xã Hoằng Châu            | 4                                                                      |           | 1         | 6                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 43 | Xã Hoằng Sơn             | 4                                                                      |           |           | 6                                                   | 1         |           | 1                              |           |           |         |
| 44 | Xã Hoằng Phú             | 4                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 45 | Xã Hoằng Giang           | 3                                                                      |           | 1         | 5                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Quảng Xương</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 46 | Xã Lưu Vệ                | 8                                                                      |           | 2         | 3                                                   |           | 2         | 1                              |           |           |         |
| 47 | Xã Quảng Yên             | 12                                                                     | 2         |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |



| TT | Xã, phường            | Đã làm Phòng NN và MT, công chức Địa chính - nông nghiệp và môi trường |           |           | Đã làm Phòng TC - KH, công chức Tài chính - kế toán |           |           | Đã làm Phòng Kinh tế - Hạ tầng |           |           | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------|
|    |                       | Số hiện có                                                             | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                                          | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                     | Điều động | Tiếp nhận |         |
| 65 | Xã Yên Định           | 8                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 66 | Xã Yên Trường         | 7                                                                      | 1         |           | 2                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 67 | Xã Yên Phú            | 3                                                                      |           | 1         | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 68 | Xã Quý Lộc            | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 69 | Xã Yên Ninh           | 5                                                                      |           |           | 2                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 70 | Xã Đinh Tân           | 5                                                                      |           |           | 5                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 71 | Xã Đinh Hòa           | 5                                                                      |           |           | 5                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Thọ Xuân</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 72 | Xã Thọ Xuân           | 5                                                                      |           | 1         | 5                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 73 | Xã Thọ Long           | 6                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 74 | Xã Xuân Hòa           | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 75 | Xã Sao Vàng           | 6                                                                      |           |           | 6                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 76 | Xã Lam Sơn            | 4                                                                      |           |           | 5                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 77 | Xã Thọ Lập            | 6                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 78 | Xã Xuân Tín           | 4                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 79 | Xã Xuân Lập           | 7                                                                      | 1         |           | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Vĩnh Lộc</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 80 | Xã Vĩnh Lộc           | 4                                                                      |           | 1         | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 81 | Xã Tây Đô             | 6                                                                      |           |           | 3                                                   |           | 1         | 1                              |           |           |         |
| 82 | Xã Biện Thượng        | 6                                                                      | 1         |           | 5                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |

| TT | Xã, phường             | Đã làm Phòng NN và MT, công chức Địa chính - nông nghiệp và môi trường |           |           | Đã làm Phòng TC - KH, công chức Tài chính - kế toán |           |           | Đã làm Phòng Kinh tế - Hạ tầng |           |           | Ghi chú |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------|
|    |                        | Số hiện có                                                             | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                                          | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                     | Điều động | Tiếp nhận |         |
|    | <b>Huyện Triệu Sơn</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 83 | Xã Triệu Sơn           | 8                                                                      |           |           | 5                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 84 | Xã Thọ Bình            | 5                                                                      |           |           | 4                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 85 | Xã Thọ Ngọc            | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 86 | Xã Thọ Phú             | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 87 | Xã Hợp Tiến            | 6                                                                      |           |           | 4                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 88 | Xã An Nông             | 6                                                                      |           |           | 2                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 89 | Xã Tân Ninh            | 6                                                                      |           |           | 3                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 90 | Xã Đồng Tiến           | 6                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Mường Lát</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 91 | Xã Mường Chanh         | 2                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 92 | Xã Quang Chiểu         | 3                                                                      | 1         |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 93 | Xã Tam Chung           | 1                                                                      |           | 1         | 3                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 94 | Xã Mường Lát           | 2                                                                      |           |           | 3                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 95 | Xã Pù Nhi              | 3                                                                      | 1         |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 96 | Xã Nhi Sơn             | 2                                                                      |           |           | 0                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 97 | Xã Mường Lý            | 1                                                                      |           | 1         | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 98 | Xã Trung Lý            | 5                                                                      |           |           | 0                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
|    | <b>Huyện Quan Hóa</b>  |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 99 | Xã Hồi Xuân            | 2                                                                      |           |           | 0                                                   |           | 2         | 0                              |           |           |         |

| TT  | Xã, phường              | Đã làm Phòng NN và MT, công chức Địa chính - nông nghiệp và môi trường |           |           | Đã làm Phòng TC - KH, công chức Tài chính - kế toán |           |           | Đã làm Phòng Kinh tế - Hạ tầng |           |           | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------|
|     |                         | Số hiện có                                                             | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                                          | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                     | Điều động | Tiếp nhận |         |
| 100 | Xã Nam Xuân             | 3                                                                      | 1         |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 101 | Xã Thiên Phú            | 3                                                                      | 1         |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 102 | Xã Hiền Kiệt            | 2                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 103 | Xã Phú Xuân             | 2                                                                      |           |           | 3                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 104 | Xã Phú Lệ               | 1                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 105 | Xã Trung Thành          | 0                                                                      |           | 1         | 3                                                   | 1         |           | 1                              |           |           |         |
| 106 | Xã Trung Sơn            | 0                                                                      |           | 1         | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
|     | <b>Huyện Quan Sơn</b>   |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 107 | Xã Na Mèo               | 1                                                                      |           | 1         | 2                                                   |           |           | 1                              |           |           |         |
| 108 | Xã Sơn Thủy             | 2                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 109 | Xã Sơn Điện             | 3                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 110 | Xã Mường Mìn            | 2                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 111 | Xã Tam Thanh            | 3                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 112 | Xã Tam Lư               | 2                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 113 | Xã Quan Sơn             | 2                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 114 | Xã Trung Hạ             | 4                                                                      | 1         |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
|     | <b>Huyện Lang Chánh</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 115 | Xã Linh Sơn             | 5                                                                      | 1         |           | 1                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 116 | Xã Đồng Lương           | 3                                                                      |           |           | 0                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 117 | Xã Văn Phú              | 3                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |

[illegible]



[illegible]

| TT  | Xã, phường               | Đã làm Phòng NN và MT, công chức Địa chính - nông nghiệp và môi trường |           |           | Đã làm Phòng TC - KH, công chức Tài chính - kế toán |           |           | Đã làm Phòng Kinh tế - Hạ tầng |           |           | Ghi chú |
|-----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------|
|     |                          | Số hiện có                                                             | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                                          | Điều động | Tiếp nhận | Số hiện có                     | Điều động | Tiếp nhận |         |
| 152 | Xã Xuân Du               | 3                                                                      |           | 1         | 1                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 153 | Xã Mậu Lâm               | 6                                                                      | 1         |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 154 | Xã Như Thanh             | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 155 | Xã Yên Thọ               | 4                                                                      |           |           | 3                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 156 | Xã Xuân Thái             | 2                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 157 | Xã Thanh Kỳ              | 4                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
|     | <b>Huyện Thường Xuân</b> |                                                                        |           |           |                                                     |           |           |                                |           |           |         |
| 158 | Xã Bát Mọt               | 2                                                                      |           |           | 2                                                   | 1         |           | 0                              |           |           |         |
| 159 | Xã Yên Nhân              | 2                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 160 | Xã Lương Sơn             | 2                                                                      |           | 1         | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 161 | Xã Thường Xuân           | 4                                                                      |           |           | 3                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 162 | Xã Luận Thành            | 5                                                                      | 1         |           | 1                                                   |           | 1         | 0                              |           |           |         |
| 163 | Xã Tân Thành             | 4                                                                      |           |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 164 | Xã Vạn Xuân              | 3                                                                      |           |           | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 165 | Xã Thắng Lộc             | 1                                                                      |           | 1         | 1                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |
| 166 | Xã Xuân Chinh            | 4                                                                      | 1         |           | 2                                                   |           |           | 0                              |           |           |         |